TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 14/7/2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Bà Phan Thị Thu Hương

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Lê Huy Hoàng– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 68/2023/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 75/2022/HNGĐ-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2023/QĐ-PT ngày 28/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp G, xã X, thành phố Y, tỉnh Đồng Nai. *(Số điện thoại: 0972041641)*

- *Bị đơn:* Anh **Trần Đình Đ**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp G, xã X, thành phố Y, tỉnh Đồng Nai. *(Số điện thoại: 0354657649)*

Người kháng cáo: Chị Phạm Thị L.

(Chị L, anh Đ có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 7 năm 2022, bản tường trình và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Trần Đình Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Y (nay là xã X, thành

phố Y), tỉnh Đồng Nai. Sau khi cưới, vợ chồng đã xảy ra cãi vã, anh Đ đã đánh chị L, theo anh Đ là phải dạy vợ, anh thường xuyên đánh, đạp vào người chị không cần nguyên nhân, chỉ cần anh nghe ai nói gì là về nhà lại đánh đập chị. Trong 23 năm vợ chồng sống với nhau, anh Đ đánh chị L rất nhiều, chị L không thể nhớ hết những trận đòn anh Đ đánh. Việc bị anh Đ đánh chị L có nói với mẹ chồng và các chị em chồng để họ khuyên can anh Đ, chứ họ không chứng kiến việc anh Đ đánh vì họ ở xa, cha mẹ ruột của chị L không biết vì chị L không nói, hàng xóm có một vài người biết gồm bà Nguyễn Thị C, ông Thái Thanh S (ông S1), ông Thái Thanh H, ông Tống Đình H1, tất cả những người này đều ở ấp G, xã X. Ngoài ra, tối nào anh Đ của chửi mắng chị L từ 02 giờ đến sáng, không cho chị L nghỉ ngơi. Theo chị L, nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do anh Đ nhu nhược, nghe lời người khác. Nay chị L không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có có 02 con chung là cháu Trần Đình Quang K, sinh năm 2001 và cháu Trần Thị Kim N, sinh ngày 18/10/2008. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Riêng cháu K đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L khai không cho ai mượn nợ và cũng không nợ ai.

Tại các bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Đình Đ trình bày:

Anh Trần Đình Đ và chi Phạm Thị L tự nguyện kết hôn từ năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Y (nay là xã X, thành phố Y), tỉnh Đồng Nai. Anh Đ xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng mà chỉ là cãi vã nhỏ nhặt hằng ngày. Bản thân chị L bị bệnh động kinh từ nhỏ nên anh Đ rất thương, anh Đ chưa bao giờ đánh chị L như chị L nói. Chỉ khi vợ chồng cãi nhau, chị L có cầm chổi đánh anh Đ, anh Đ chỉ giằng chổi lại chứ không đánh chị L. Các hình ảnh, bài viết mà chị L nộp tại Toà án là không đúng sự thật. Vì vậy, anh Đ không đồng ý yêu cầu ly hôn với chị L.

Tại phiên tòa anh Đ khai: Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung vợ chồng có mua đất của cha vợ là ông Phạm Ngọc L1 còn nợ lại số tiền 600.000.000 đồng, tuy nhiên thủ tục sang nhượng đất vẫn chưa thực hiện xong, thja73 đất vẫn chưa được sang tên qua cho anh chị.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 75/2022/HNGĐ-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai đã căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 229; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị L đối với bị đơn anh Trần Đình Đ.

Về con chung: Không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: không xem xét.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/01/2023, chị Phạm Thị L có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm Hủy toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 75/2022/HNGĐ-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị L đối với bị đơn anh Trần Đình Đ.

2. Chấp nhận cho nguyên đơn chị Phạm Thị L được quyền trực tiếp, nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thị Kim N, sinh ngày 18/10/2008. Yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án:

Theo lời khai của chị L thì sau khi cưới, vợ chồng đã xảy ra cãi vã, anh Đ thường xuyên đánh chị L mà cần nguyên nhân, chỉ cần anh nghe ai nói gì là về nhà lại đánh đập chị. Trong 23 năm vợ chồng sống với nhau, anh

Đ đánh chị L rất nhiều, chị L không thể nhớ hết những trận đòn anh Đ đánh. Việc bị anh Đ đánh chị L có nói với mẹ chồng và các chị em chồng để họ khuyên can anh Đ, chứ họ không chứng kiến việc anh Đ đánh vì hợ̉ xa, cha mẹ ruột của chị L không biết vì chị L không nói, hàng xóm có một vài người biết. Ngoài ra, tối nào anh Đ của chửi mắng chị L từ 02 giờ đến sáng, không cho chị L nghỉ ngơi. Theo chị L, nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do anh Đ nhu nhược, nghe lời người khác. chị không thể tiếp tục chung sống với anh Đ nên đã tự ý ra phòng trọ ở từ tháng 7/2022 đến nay. Nay chị L không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên yêu cầu ly hôn.

Bị đơn anh Trần Đình Đ không thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày. Theo anh, vợ chồng chỉ cãi nhau lặt vặt về sinh hoạt trong nhà, anh chưa từng đánh đập chị L. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn, anh muốn vợ chồng và các con về chung sống với nhau. Đối với các hình chụp thương tích mà chị L cung cấp, anh không thừa nhận do anh gây ra. Anh chỉ thừa nhận vào khoảng năm 2021 vợ chồng có cãi vã qua lại, chị L lấy chổi đánh anh nên anh giằng lại chổi và vứt đi. Lời khai này của anh Đ phù hợp với lời khai người làm chứng là ông Trần Đình H2 - Tổ trưởng ấp G, xã X, ông H2 khai: từ ngày anh Đ và chị L sống chung với nhau ông không thấy mâu thuẫn gì lớn. Khoảng tháng 11 năm 2021 ông nhận được điện thoại của Trưởng ban tuyên giáo xã X về việc anh Đ đánh chị L, ông và Ban hòa giải đã làm việc và anh Đ thừa nhận do vợ chồng cãi vã, chị L lấy chổi đánh nên anh giằng lại và vứt đi. Nội dung này ông có lập biên bản và đọc cho chị L nghe nhưng chị L không phản đối. Sau đó chị L có lời lẽ xúc phạm vì cho rằng ông bênh vực anh Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành xác minh, lấy lời khai của những người trong gia đình chị L và anh Đ và những người làm chứng là hàng xóm của anh chị đều khai thỉnh thoảng có thấy hai vợ chồng cãi vã nhưng không đáng kể, không thấy vợ chồng đánh đập nhau, việc chị L khai bị anh Đ đánh đập là không đúng. Qua lấy lời khai của bố chị L được biết: con gái ông có nhiều vấn đề suy nghĩ không thấu đáo, bỏ nhà đi không ngó ngàng gì đến các con là không đúng nhưng một phần của chuyện này là do vợ chồng có xích mích liên quan đến việc mua đất của ông. Ông xác định con gái ông bị bệnh động kinh từ nhỏ, sau đó năm 2016 bị xe tông bất tỉnh nhưng may mắn qua khỏi, sau này lại nhiễm covid nên thần kinh cũng có vấn đề, nhiều khi nói năng lung tung, mê tín, hay nói chuyện ma quỷ. Việc con gái ông nói bị anh Đ đánh theo ông thì không có việc anh Đ đánh vợ nhưng la lối lớn tiếng thì có. Ông mong Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy các cháu nên người. Con gái của chị L và anh Đ cũng mong muốn bố mẹ sống cùng nhau.

Như vậy, xác định vợ chồng anh Đ chị L có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, hơn nữa hiện chị L lại đang bị bệnh do đó cần người quan tâm, chăm sóc vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ.

Đề xuất: Từ những phân tích trên không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị L áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 75/2022/HNGĐ-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Phạm Thị L làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị L và anh Trần Đình Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Y (nay là xã X, thành phố Y), tỉnh Đồng Nai vào ngày 14/5/2001.

Theo chị L, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ nhu nhược, nghe lời người khác đánh chị nhiều lần, thường xuyên, chửi mắng chị không cần nguyên nhân, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, chị không thể tiếp tục chung sống với anh Đ nên đã tự ý ra phòng trọ ở từ tháng 7/2022 đến nay. Chứng cứ chị L cung cấp là các hình chụp được in từ điện thoại, các bản phô tô bài đăng trên mạng internet. Còn bị đơn anh Trần Đình Đ không thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày. Theo anh, vợ chồng chỉ cãi nhau lặt vặt về sinh hoạt trong nhà, anh chưa từng đánh đập chị L. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn, anh muốn vợ chồng và các con về chung sống với nhau. Đối với các hình chụp thương tích mà chị L cung cấp, anh không thừa nhận do anh gây ra. Anh chỉ thừa nhận vào khoảng năm 2021 vợ chồng có cãi vã qua lại, chị L lấy chổi đánh anh nên anh giằng lại chổi và vứt đi. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng lấy lời khai của ông Trần Đình H2 là tổ trưởng tổ 36, Ấp G (BL 87), ông Nguyễn Văn H3, Ông Thái Văn S (BL 41, 42) là hàng xóm của anh Đ, chị L tất cả các lời khai của những người trên đều thể hiện thỉnh thoảng có thấy hai vợ chồng cãi vã nhưng không đáng kể, không thấy vợ chồng đánh đập nhau. Như vậy, việc chị L khai bị anh Đ đánh đập là không đúng. Đặc biệt là lời khai của ông Phạm Ngọc L1 (BL 85) là bố đẻ

của chị L thể hiện vợ chồng anh Đ, chị L có không có mâu thuẫn gì lớn, có cãi vã nhau nhưng không có chuyện anh Đ đánh chị L. Như vậy, việc chị L khai vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng là không có căn cứ, các tài liệu chứng cứ chị L cung cấp không chứng minh được việc anh Đ đánh chị, bản thân anh Đ không thừa nhận việc đánh chị L là phù hợp với lời khai của những người làm chứng. Chị L kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết, tài liệu, chứng cứ nào mới. Hồ sơ cũng thể hiện trong suốt quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm anh Đ đều mong muốn, tha thiết hòa giải đoàn tụ với chị L để vợ chồng cùng chăm sóc, nuôi dạy con cái thể hiện anh vẫn còn yêu thương chị L. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị L.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nên không xem xét về con chung, tài sản chung, nợ chung.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: chị L phải chịu 300.000đ án phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị L, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 75/2022/HNGĐ-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 229; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị L đối với bị đơn anh Trần Đình Đ.

2. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị đã nộp tại Biên lai thu số 0006410 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Y.

3. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân TP. Long Khánh;
- Chi cục THADS TP. Y;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Hương